

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định quy trình luân chuyển hồ sơ để ban hành quyết định cho phép miễn, giảm tiền sử dụng đất đối với người có công với cách mạng trên địa bàn tỉnh Quảng Nam

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng ngày 09 tháng 12 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất và các Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 45/2014/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Nhà ở;

Căn cứ Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế;

Căn cứ Nghị định số 131/2021/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng;

Căn cứ Thông tư số 76/2014/TT-BTC ngày 16 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất;

Căn cứ Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế và Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Thuế tỉnh Quảng Nam tại Tờ trình số 435/TTr-CTQNA ngày 15 tháng 01 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định quy trình luân chuyển hồ sơ để ban hành quyết định cho phép miễn, giảm tiền sử dụng đất đối với người có công với cách mạng trên địa bàn tỉnh Quảng Nam.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày **01 tháng 02 năm 2024**. Trường hợp các văn bản liên quan đề cập tại quy định kèm theo Quyết định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo văn bản mới được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài chính, Lao động - Thương binh và Xã hội, Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng; Cục trưởng Cục Thuế tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Các Bộ, ngành: VPCP, TC, TP, LĐ-TB&XH, TN&MT;
- TCT, Vụ pháp chế, Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra VBQPPL, Bộ Tư pháp;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành, Hội, đoàn thể;
- Đài PT-TH Q.Nam và Báo Q.Nam;
- Công Thông tin điện tử tỉnh;
- Công báo tỉnh;
- CPVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, CTQNA (02). N.360.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Lê Trí Thanh

QUY ĐỊNH

Quy trình luân chuyển hồ sơ để ban hành quyết định cho phép miễn, giảm tiền sử dụng đất đối với người có công với cách mạng trên địa bàn tỉnh Quảng Nam

(Ban hành kèm theo Quyết định số #sovb/2024/QĐ-UBND
ngày #nbh tháng 01 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam)

Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định này quy định quy trình luân chuyển hồ sơ để ban hành quyết định cho phép miễn, giảm tiền sử dụng đất đối với người có công với cách mạng trên địa bàn tỉnh Quảng Nam khi được mua nhà ở thuộc sở hữu của Nhà nước, được Nhà nước giao đất ở, chuyển mục đích sử dụng đất sang đất ở, công nhận quyền sử dụng đất ở.

2. Đối với các nội dung khác có liên quan đến việc ban hành quyết định cho phép miễn, giảm tiền sử dụng đất đối với người có công với cách mạng trên địa bàn tỉnh, không được quy định tại Quy định này thì thực hiện theo các quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc thực hiện quy trình luân chuyển hồ sơ để ban hành quyết định cho phép miễn, giảm tiền sử dụng đất đối với người có công với cách mạng.

2. Người có công với cách mạng quy định tại các điểm a, b, d, đ, e, g, h, i, k, l, m khoản 1 Điều 3 Pháp lệnh số 02/2020/UBTVQH14 ngày 09 tháng 12 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về ưu đãi người có công với cách mạng.

3. Thân nhân liệt sĩ quy định tại khoản 2 Điều 3 Pháp lệnh số 02/2020/UBTVQH14 ngày 09 tháng 12 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về ưu đãi người có công với cách mạng.

Điều 3. Nguyên tắc xác định miễn, giảm tiền sử dụng đất

1. Nguyên tắc xác định miễn, giảm tiền sử dụng đất đối với người có công với cách mạng thực hiện theo Điều 10 Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất, khoản 2 Điều 2 Nghị định số 135/2016/NĐ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2016 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định về thu tiền sử dụng đất, thu tiền thuê đất, thuê mặt nước và Điều 106 Nghị định số 131/2021/NĐ-CP ngày

30 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng; cụ thể như sau:

a) Chế độ miễn hoặc giảm tiền sử dụng đất đối với người có công chỉ áp dụng một lần cho một hộ gia đình và mức hỗ trợ tiền sử dụng đất được tính theo diện tích đất thực tế được giao nhưng tối đa không vượt quá hạn mức giao đất ở cho một hộ do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định.

b) Trường hợp một hộ gia đình có nhiều thành viên thuộc diện được ưu đãi thì mức hỗ trợ tối đa không vượt quá 100%.

c) Trường hợp người có công đồng thời là thân nhân liệt sĩ thì chỉ hưởng chế độ cao nhất của một đối tượng.

d) Không áp dụng miễn, giảm tiền sử dụng đất trong trường hợp đấu giá quyền sử dụng đất để giao đất có thu tiền sử dụng đất đối với trường hợp người trúng đấu giá thuộc đối tượng được miễn, giảm tiền sử dụng đất.

2. Việc miễn, giảm tiền sử dụng đất khi mua nhà ở thuộc sở hữu Nhà nước được thực hiện theo Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Nhà ở.

Chương II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 4. Phân cấp ban hành quyết định cho phép miễn, giảm tiền sử dụng đất

UBND tỉnh phân cấp cho UBND các huyện, thị xã, thành phố ban hành quyết định cho phép miễn, giảm tiền sử dụng đất đối với người có công với cách mạng.

Điều 5. Hồ sơ, thủ tục giải quyết miễn, giảm tiền sử dụng đất

Hồ sơ, thủ tục giải quyết miễn, giảm tiền sử dụng đất đối với người có công với cách mạng được quy định tại Điều 107 Nghị định số 131/2021/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng và thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 60 Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29/9/2021 của Bộ Tài chính quy định thủ tục hồ sơ miễn, giảm tiền sử dụng đất đối với người có công với cách mạng; theo đó, hồ sơ miễn, giảm tiền sử dụng đất trong hạn mức giao đất ở khi sử dụng đất để thực hiện chính sách nhà ở, đất ở đối với người có công với cách mạng, cụ thể như sau:

1. Văn bản đề nghị theo mẫu số 01/MGTH ban hành kèm theo Phụ lục I Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29 tháng 9 năm 2021 của Bộ Tài chính, có xác nhận của UBND xã, phường, thị trấn (mẫu số 01/MGTH đính kèm theo Quy định này).

2. Giấy tờ có liên quan chứng minh thuộc diện được miễn, giảm tiền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về người có công với cách mạng (Bản sao có công chứng hoặc chứng thực giấy chứng nhận người có công với cách mạng).

Điều 6. Quy trình luân chuyển hồ sơ để ban hành quyết định cho phép miễn, giảm tiền sử dụng đất

1. Người có công với cách mạng nộp một (01) bộ hồ sơ đề nghị miễn, giảm tiền sử dụng đất quy định tại Điều 15 Thông tư số 76/2014/TT-BTC ngày 16 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất và khoản 1 Điều 60 Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29 tháng 9 năm 2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế và Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế cùng với hồ sơ xin giao đất, cấp Giấy chứng nhận, chuyển mục đích sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại địa điểm tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của Bộ phận Một cửa cấp huyện, thị xã, thành phố nơi có đất hoặc nộp hồ sơ trực tuyến tại Cổng dịch vụ công tỉnh Quảng Nam, địa chỉ: dichvucong.quangnam.gov.vn.

2. Trong thời gian không quá hai (02) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ miễn, giảm của người có công với cách mạng, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm chuyển hồ sơ đến UBND xã, phường, thị trấn nơi người có công với cách mạng cư trú.

3. Trong thời gian không quá năm (05) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, UBND xã, phường, thị trấn nơi người có công với cách mạng cư trú xem xét, xác nhận đối tượng là người có công với cách mạng, điều kiện nhà ở, đất ở (nguồn gốc nhà ở, đất ở; địa chỉ lô đất, diện tích; địa chỉ nhà ở, diện tích xây dựng; thực trạng lô đất) hiện nay của người đề nghị miễn, giảm và gửi văn bản đến Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội huyện, thị xã, thành phố nơi người có công với cách mạng cư trú.

4. Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội huyện, thị xã, thành phố nhận hồ sơ đề nghị miễn, giảm tiền sử dụng đất hợp lệ do UBND xã, phường, thị trấn nơi người có công với cách mạng cư trú chuyển đến, có trách nhiệm kiểm tra, đối chiếu, xác minh lại đối tượng người có công thuộc diện được miễn, giảm tiền sử dụng đất, mức tỷ lệ (%) được miễn, giảm theo quy định và thực hiện các nội dung sau:

a) Trường hợp không thuộc đối tượng người có công với cách mạng được miễn, giảm tiền sử dụng đất thì ban hành Thông báo không thuộc diện được miễn, giảm tiền sử dụng đất trong thời hạn không quá ba (03) ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ.

b) Trường hợp hồ sơ đầy đủ, đúng thủ tục, thuộc đối tượng theo quy định thì Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội huyện, thị xã, thành phố tham mưu UBND huyện, thị xã, thành phố ban hành quyết định cho phép miễn, giảm tiền sử dụng đất đối với người có công với cách mạng trong thời hạn không quá năm (05) ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ.

c) Trường hợp cần lấy ý kiến xác nhận thông tin về nhà đất và đất ở thì Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội nơi người có công với cách mạng cư

trú phối hợp đề nghị UBND xã, phường, thị trấn, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai nơi có đất ở xác nhận tình trạng nhà và đất ở: quá trình hình thành nhà và đất ở của hộ người có công tại địa phương; nêu rõ nguồn gốc đất ở, xác định vị trí đất, nhà ở; giao dịch chuyên nhượng tặng, cho thừa kế đối với nhà và đất ở. Qua kết quả xác nhận của UBND xã, phường, thị trấn, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai nơi có đất ở và đối chiếu với quy định, nếu xác định đủ điều kiện được miễn, giảm tiền sử dụng đất thì Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội huyện, thị xã, thành phố tham mưu UBND huyện, thị xã, thành phố ban hành quyết định cho phép miễn, giảm tiền sử dụng đất đối với người có công với cách mạng; nếu xác định không đủ điều kiện được miễn, giảm tiền sử dụng đất thì ban hành Thông báo không thuộc diện được miễn, giảm tiền sử dụng đất trong thời hạn không quá năm (05) ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ.

Quyết định cho phép miễn, giảm tiền sử dụng đất đối với người có công với cách mạng phải có các nội dung: Họ tên; ngày, tháng, năm sinh; địa chỉ cư trú của đối tượng được miễn, giảm; địa chỉ thửa đất; đối tượng được hưởng và mức tỷ lệ (%) miễn, giảm.

d) Khi có quyết định cho phép miễn, giảm tiền sử dụng đất đối với người có công với cách mạng của UBND các huyện, thị xã, thành phố ban hành, Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội huyện, thị xã, thành phố có trách nhiệm chuyển ngay trong ngày làm việc toàn bộ hồ sơ đã giải quyết kèm theo quyết định cho phép miễn, giảm tiền sử dụng đất đến Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện, thị xã, thành phố (đồng thời lưu bản photo giấy tờ, tài liệu đã giải quyết có liên quan).

5. Trong thời gian 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ đã giải quyết kèm theo quyết định cho phép miễn, giảm tiền sử dụng đất do Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội huyện, thị xã, thành phố chuyển đến, Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thực hiện lập Phiếu chuyển thông tin và luân chuyển hồ sơ miễn, giảm đến Chi cục Thuế huyện, thành phố, khu vực nơi có đất để xác định nghĩa vụ tài chính.

6. Trong thời gian không quá năm (05) ngày làm việc kể từ ngày nhận được Phiếu chuyển thông tin và hồ sơ miễn, giảm (đầy đủ) do Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai chuyển đến, Chi cục Thuế huyện, thành phố, khu vực nơi có đất xác định số tiền sử dụng đất được miễn, giảm và ban hành Thông báo nghĩa vụ tài chính cho người sử dụng đất theo quy định (trong đó, xác định số tiền sử dụng đất mà hộ gia đình, cá nhân được miễn, giảm; số tiền sử dụng đất còn lại phải nộp (nếu có)).

Trường hợp các cơ quan tham gia thực hiện luân chuyển, phối hợp và giải quyết hồ sơ miễn, giảm có tên gọi khác tại Điều này, hồ sơ được chuyển đến cơ quan có chức năng, nhiệm vụ tương ứng với nội dung tiếp nhận, giải quyết các thủ tục liên quan đến lĩnh vực đất đai và có trách nhiệm thực hiện.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 7. Chế độ thông tin báo cáo

1. Chi cục Thuế trực thuộc Cục Thuế tỉnh mở sổ theo dõi, định kỳ 6 tháng/lần tổng hợp và công bố danh sách đối tượng miễn, giảm tiền sử dụng đất trên địa bàn quản lý cho UBND các huyện, thị xã, thành phố đối chiếu số liệu, báo cáo Cục Thuế tỉnh để theo dõi việc thực hiện.

2. Hằng năm, trước ngày 30/01 năm tiếp theo năm báo cáo, Chi cục Thuế trực thuộc Cục Thuế tỉnh thực hiện báo cáo danh sách người có công đã được miễn, giảm tiền sử dụng đất trên địa bàn gửi về Cục Thuế tỉnh để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh; đồng thời, gửi các Sở, Ban, ngành liên quan và UBND các huyện, thị xã, thành phố để theo dõi, thực hiện.

Điều 8. Trách nhiệm thi hành

1. UBND các huyện, thị xã, thành phố chỉ đạo các cơ quan chuyên môn căn cứ theo quy định thực hiện kiểm tra, xác minh việc miễn, giảm tiền sử dụng đất nơi người có công với cách mạng cư trú và chịu trách nhiệm trước pháp luật, UBND tỉnh về nội dung được phân cấp.

2. Cục Thuế tỉnh

a) Chịu trách nhiệm chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc xử lý hồ sơ, thống kê số liệu về miễn, giảm tiền sử dụng đất đối với người có công với cách mạng của Chi cục Thuế huyện, thành phố, khu vực.

b) Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông xây dựng mã thủ tục cung cấp dịch vụ công trực tuyến cho phép miễn, giảm tiền sử dụng đất đối với người có công với cách mạng trên địa bàn tỉnh Quảng Nam.

c) Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông, Trung tâm Công nghệ thông tin và Truyền thông Quảng Nam (QTI), Viễn thông Quảng Nam thực hiện kết nối thủ tục hành chính cho phép miễn, giảm tiền sử dụng đất đối với người có công với cách mạng trên địa bàn tỉnh Quảng Nam trên hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh.

3. Các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Lao động - Thương binh và Xã hội, Tài chính, Xây dựng và các cơ quan, đơn vị liên quan căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao, chủ động giải quyết các nội dung công việc thuộc thẩm quyền.

4. Trong trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được viện dẫn áp dụng thực hiện trong quy định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo văn bản được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

5. Trong quá trình triển khai thực hiện Quy định này, nếu trong trường hợp có gặp khó khăn, vướng mắc, bất cập, phát sinh, cần phải sửa đổi, bổ sung thì các cơ quan, đơn vị, địa phương kịp thời phản ánh bằng văn bản về Cục Thuế tỉnh để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.....thángnăm

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ MIỄN (GIẢM)
Tiền sử dụng đất

Kính gửi:

- ...<UBND huyện, thị xã, thành phố>.....
- ...<Chi cục Thuế >.....
- ...<UBND xã, phường, thị trấn>.....

[01] Tên người nộp thuế:

[02] Mã số thuế:

[03] Địa chỉ:

[03a] Phường/xã.....[03b] Quận/huyện: [03c]
Tỉnh/thành phố:.....

[04] Điện thoại: [05] Fax: [06] E-mail:

Đề nghị được miễn (giảm) tiền sử dụng đất với lý do và <số tiền miễn (giảm)> cụ thể như sau:

1. Lý do đề nghị miễn (giảm):

Thuộc đối tượng người có công với cách mạng/Thân nhân của người có công với cách mạng (ghi cụ thể thuộc đối tượng nào được quy định tại Điều 103 Nghị định số 131/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ)

2. Xác định số tiền sử dụng đất được miễn (giảm):

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Tên khoản thu thuộc NSNN được miễn (giảm)	Số tiền đề nghị miễn (giảm)	Số tiền đã nộp (nếu có)	Ghi chú: Chế độ được hưởng miễn, giảm
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	Tiền sử dụng đất			<ghi cụ thể thuộc đối tượng nào được quy định tại Điều 104, Điều 105 Nghị định số 131/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ>
..				
	Cộng			

3. Tài liệu, thông tin gửi kèm: (ghi rõ tên tài liệu, bản chính hay bản sao)

a) Thông tin thửa đất đề nghị miễn, giảm tiền sử dụng đất (theo Trích lục bản đồ địa chính):

- Thửa đất số:.....
- Tờ bản đồ số:.....
- Diện tích:.....
- Địa chỉ thửa đất: ... Xã, phường, thị trấn..... huyện, thị xã, thành phố...

b) Tài liệu kèm theo:

(1)

(2)

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã khai./.

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
(Ký, ghi rõ họ tên)

XÁC NHẬN UBND CẤP XÃ

- Hộ gia đình ông (bà)/ cá nhân:..... hiện nay cư trú tại địa phương, thuộc đối tượng

- Xác nhận điều kiện nhà ở, đất ở:

.....
.....

-

....., ngày... tháng năm 20...

TM. UBND

.....
(Ký tên, đóng dấu)